

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **117/2018/DS-ST**

Ngày: 05-10-2018

*“V/v tranh chấp hụi và
tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dệt.

Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1954.

Bà Trần Thị Bé H, sinh năm: 1958

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Phan An L, sinh năm: 1973;

Bà Lê Trần Thị M, sinh năm: 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp B (ấp P), xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông P bà H có mặt, ông L bà M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2018 và bản tự khai ngày 24/6/2018, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Bé H trình bày:

Ông bà và vợ chồng ông L bà M là hàng xóm quen biết với nhau đã lâu. Do tin tưởng nên ông bà có cho ông L bà M vay tiền để trả nợ ngân hàng và làm ăn, cụ thể là:

- Vào ngày 26/9/2016 âm lịch, ông bà cho ông L bà M vay số tiền 90.000.000 đồng. Đến ngày 04/10/2016 âm lịch, ông L và bà M trả được cho ông bà 60.000.000 đồng và còn nợ lại 30.000.000 đồng.

- Vào ngày 06/01/2017 âm lịch, ông bà cho ông L bà M vay 168.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng. Đối với khoản vay này thì hai bên thỏa thuận với nhau là một năm đóng lãi một lần, theo lãi suất ngân hàng là 1%/ tháng, hiện chưa đóng lãi lần nào.

- Vào ngày 17/01/2017 âm lịch, ông bà cho ông L bà M vay 100.000.000 đồng để làm ăn.

- Vào ngày 20/01/2017 âm lịch, ông bà cho ông L bà M vay tiếp 135.000.000 đồng vì ông L bà M nói là vay để trả nợ ngân hàng, sau đó vay lại rồi trả hết gốc và lãi của tất cả các khoản vay cho ông bà. Thời hạn trả trong 15 ngày nên bà không có yêu cầu ông L bà M trả lãi.

Đối với các khoản vay kể trên, khi vay ông L bà M có làm giấy nợ ghi có vay tiền của ông bà, số tiền vay, ngày vay, ngày trả và ký tên.

Đối với khoản vay 90.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, khi vay ông L và bà M đồng ý đóng lãi cho ông bà như theo thỏa thuận, đã đóng lãi đủ đến tháng 9/2017 âm lịch thì ông L và bà M vỡ nợ nên không đóng nữa. Ông bà có đến đòi ông L bà M trả tiền gốc lại, không cần lấy lãi. Lúc này ông L và bà M hứa sẽ nhanh chóng trả nợ cho ông bà nhưng đến nay vẫn chưa trả. Tổng cộng ông L bà M còn nợ ông bà số tiền vay là 433.000.000 đồng.

Ngoài ra ông L bà M còn tham gia hai dây hụi do ông bà làm chủ hụi, cụ thể là:

- Dây thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/3/2017 âm lịch, mãn ngày 15/9/2018 âm lịch, có 20 phần. Ông L bà M tham gia 02 phần, hốt hụi đầu vào ngày 15/3/2017 âm lịch với số tiền 55.400.000 đồng, đóng hụi chết đến ngày 15/9/2017 âm lịch thì không đóng nữa nên nợ cho đến nay là 04 tháng hụi chết chưa đóng là 16.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/8/2017 âm lịch, mãn ngày 25/01/2019 âm lịch, có 18 phần. Ông L bà M tham gia 01 phần, hốt hụi đầu vào ngày 25/8/2017 âm lịch với số tiền 64.300.000 đồng, đóng hụi chết đến ngày 25/9/2017 âm lịch thì không đóng nữa nên nợ cho đến nay là 04 tháng hụi chết chưa đóng là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi mà ông L M còn nợ ông bà là 36.000.000 đồng.

Do đòi tiền nhiều lần nhưng ông L bà M không trả nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan An L và bà Lê Trần Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền nợ vay và tiền nợ hụi tổng cộng là 469.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L bà M đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 14 tháng 9 năm 2018, tuy nhiên ông L bà M vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H trình bày bà và ông P là vợ chồng hợp pháp. Ông L bà M thường gọi vợ chồng bà là chú thím bảy. Ông L bà Mai là vợ chồng hợp pháp, cùng làm ăn, sinh sống, chăm lo cho gia đình. Đối với khoản vay 168.000.000 đồng, tuy không ghi vào giấy mượn nợ thời hạn trả nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là 01 năm đóng lãi 1 lần, lãi suất 1%/tháng nhưng ông L bà M chưa đóng lãi cho ông bà. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận cụ thể về lãi suất, phía ông L bà M đã đóng lãi cho ông bà được 4.000.000 đồng. Ông L bà M còn tham gia chơi hụi do ông bà làm chủ. Tham gia 01 dây hụi 5.000.000 đồng và 02 dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi dây hụi tham gia 1 phần. Trong sổ hụi ghi tên bà M nhưng khi ông L bà M hốt hụi, vợ chồng bà đã giao tiền trực tiếp cho ông L bà M. Đến tháng 9/2017 âm lịch, vợ chồng ông L bà M bị vỡ nợ, vợ chồng bà có đến đòi nhiều lần tất cả các khoản nợ nhưng ông L bà M cố tình trốn tránh, không trả. Vì vậy, vợ chồng bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông L bà M có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà bà số tiền nợ vay là 433.000.000 đồng và tiền nợ hụi tính đến cuối năm 2017 âm lịch là 36.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông P, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về giao dịch dân sự với ông L, bà M. Ông L bà M cư trú tại ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông L bà M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L bà M.

Về nội dung:

[2] Ông P bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L bà M phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền mà ông bà đã cho ông L bà M vay nhiều lần, tổng cộng là 433.000.000 đồng và tiền nợ hụi tính đến cuối năm 2017 âm lịch là 36.000.000 đồng.

[3] Về phía bị đơn: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, nhưng ông L bà M đều vắng mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu của ông P bà H và không cung cấp liệu chứng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, căn cứ theo khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Đối với khoản nợ vay: Căn cứ ông P bà H khởi kiện là các giấy mượn nợ có nội dung như sau:

- Giấy mượn nợ ngày 26/9/2016 (al):
“Hôm nay 26-09 AL

Vợ chồng L + M có mượn chú thím bảy số tiền: 90.000.000 (chín chục triệu chẵn)

Phong Mỹ 26-09 (Al)”

Có chữ ký và đề tên “Phan An L”

Mùng 4/10/Al (2016) gửi 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng còn thiếu lại 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

Hẹn 2 tháng”

Có chữ ký và đề tên “Lê Trần Thị M”

“Hẹn 6 tháng

Hẹn 4/12/Al (2017)”

- Giấy mượn nợ ngày 06/1/2017:

“Lê Trần Thị M cùng Phan An L có mượn chú bảy 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) để trả ngân hàng (ngày 6/1/2017)

Lãi suất ngân hàng

Ấp 4 Phong Mỹ Giồng Trôm Bến Tre”

Có hai chữ ký và đề tên “Phan An L”, “Lê Trần Thị M”

- Giấy mượn nợ ngày 17/01/2017 (al):

“ M-L có mượn của chú thím Bảy 100.000.000 (Một trăm triệu đồng)

Ngày 17/1/2017 (Al)”

Có hai chữ ký và đề tên “Phan An L”, “Lê Trần Thị M”

“Thời hạn 1 năm trả”

- Giấy mượn nợ ngày 20/12/2017 (dl):

“ Phan An L và Lê Trần Thị M có mượn của chú thím Bảy P 135.000.000 (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)

Ngày 20/12/(dl) 2017

15 ngày

Hẹn: 20/01/2018”

Có chữ ký và đề tên “Lê Trần Thị M”

[5] Đối với khoản nợ hụi: Căn cứ ông P bà H khởi kiện là sổ ghi hụi và các giấy viết tay giao tiền hụi có chữ ký, đề tên người nhận là “Lê Trần Thị M” và “Phan An L”. Trong các giấy viết tay này còn thể hiện loại hụi, ngày khai hụi, số phần, cách tính ra số tiền để giao cho ông L, bà M. Dây hụi 5.000.000 đồng, ông L bà M nhận số tiền là 64.300.000 đồng. Hai dây hụi 2.000.000 đồng ông L bà M nhận số tiền là 55.400.000 đồng.

[6] Căn cứ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, việc mượn tiền của các bên là hợp đồng vay tài sản. Ông P bà H cho ông L bà M vay nhiều lần. Thời gian cho vay từ năm 2016 đến năm 2017. Khoản vay 168.000.000 đồng và khoản vay 100.000.000 đồng có ông L bà M ký tên vào giấy mượn nợ. Khoản vay 90.000.000 đồng, ông L ký tên mượn, sau đó bà M có trả cho ông P bà H 30.000.000 đồng, khi trả bà M có ký tên vào giấy. Riêng, khoản vay 135.000.000 đồng, bà M là người ký tên vào giấy mượn nợ.

[7] Xét thấy, ông L và bà M là vợ chồng hợp pháp. Theo hồ sơ vụ án không thể hiện việc bà M nợ khoản vay 135.000.000 đồng là không nhằm đáp ứng nhu

cầu thiết yếu của gia đình. Do đến hạn mà ông L bà M không trả tiền nên ông P bà H có quyền yêu cầu ông L bà M thực hiện nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Ngoài ra căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, giữa ông P bà H và ông L bà M còn có giao dịch tài sản gọi là hụi. Ông P bà H là chủ hụi, ông L bà M là thành viên, họ có lãi. Ông L bà M tham gia dây 03 dây hụi, cụ thể: dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 15/3/2017 âm lịch, gồm 18 phần; hai dây hụi 2.000.000 đồng, cùng khai ngày 25/8/2017 âm lịch, mỗi dây gồm 20 phần. Ông L bà M đã hốt hụi nhưng từ tháng 9/2017 âm lịch đến nay ông L bà M không đóng hụi chết cho ông P bà H. Do ông L bà M vi phạm nghĩa vụ của thành viên trong hụi nên ông L bà M phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 30 Nghị quyết số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường của Chính Phủ. Tuy nhiên ông P bà H chỉ yêu cầu ông L bà M trả nợ hụi tạm tính đến ngày 30/12/2017 âm lịch (tức ngày 15/2/2018) với số tiền là 36.000.000 đồng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phờ bà Hai đối với ông Lộc bà Mai là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về tiền lãi: Do ông Phờ bà Hai không yêu cầu và ông L bà M không có ý kiến về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông L bà M phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội là 22.760.000 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Bé H.

Buộc ông Phan An L và bà Lê Trần Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Bé H số tiền là 469.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi chín triệu đồng). Trong đó, nợ vay là 433.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu đồng) và nợ hụi tính đến ngày 15/2/2018 (là ngày 30/12/2017 âm lịch) là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về tiền lãi: Do ông P bà H không yêu cầu và ông L bà M không có ý kiến về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phan An L và bà Lê Trần Thị M có trách nhiệm liên đới chịu án phí là 22.760.000 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Mộng Tuyền

TỈNH VIN HỘI ĐỒNG ẮT XỬ THẨM PHẤN - CHỦ TOẠ PHỄN TỊA